

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 4 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đơn giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công:  
Quản lý, bảo trì đường bộ các tuyến đường đô thị trên địa bàn thị trấn  
Yên Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, năm 2024**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giá;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26/5/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 39/2020/TT-BGTVT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn phương pháp xây dựng phương án giá, quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và dịch vụ vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách trung ương khi thực hiện phương thức đặt hàng;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Định mức Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định quy trình lập, thẩm định phương án giá, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, thẩm định phương án giá; phân

*cấp quản lý giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh về Ban hành danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Văn bản số 234/TTr-SXD ngày 26/01/2024,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đơn giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công như sau:

1. Tên dịch vụ: Quản lý, bảo trì đường bộ các tuyến đường đô thị trên địa bàn thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, năm 2024.
2. Địa điểm thực hiện: Thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.
3. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh năm 2024.
4. Thời gian thực hiện: Năm 2024.
5. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn.
6. Đơn giá phê duyệt: Chi tiết theo biểu đính kèm.

**Điều 2.** Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn phê duyệt dự toán/dự toán điều chỉnh thực hiện dịch vụ sự nghiệp công Quản lý, bảo trì đường bộ các tuyến đường đô thị trên địa bàn quản lý năm 2024 sau khi có kết quả thẩm định của Sở chuyên ngành với nguyên tắc giá trị dự toán phê duyệt không được vượt dự toán ngân sách tỉnh đã giao và chịu trách nhiệm trước pháp luật về Quyết định của mình.

**Điều 3.** Giao trách nhiệm

1. Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ nội dung tại Điều 1 Quyết định này tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Kho bạc nhà nước Tuyên Quang theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn thực hiện nội dung tại Quyết định này đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 4; (thi hành)
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTXD. (TPL)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Tuấn**

## BẢNG TỔNG HỢP

**Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công: Quản lý, bảo trì đường bộ các tuyến đường đô thị trên địa bàn thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, năm 2024**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2024 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

*ĐVT: Đồng*

STT	Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Đơn giá trình phê duyệt
<b>I</b>		<b>Quản lý đường</b>		
	QLD.10140	Tuần đường	1km/ngày	18.156
<b>II</b>		<b>Bảo dưỡng thường xuyên</b>		
1	BDD.21110	Thông cống, thanh thải dòng chảy (D $\geq$ 1m)	m	80.905
2	BDD.21120	Thông cống, thanh thải dòng chảy (D $\leq$ 1m)	m	68.935
3	BDD.20520	Phát quang cây cỏ bằng thủ công	km/lần	2.270.300
4	BDD.20430	Cắt cỏ bằng máy	1km/lần	68.030
5	BDD.206231	Vét rãnh hờ hình thang bằng thủ công	m	9.359
6	BDD. 21312	Vệ sinh mặt đường bằng thủ công	lần/km	1.680.775
7	BDD.22310	Nắn sửa cọc tiêu, cọc MLG, H, cột thủy chí....	1 cọc	20.639
8	BDD.22410	Nắn sửa cột Km	1 cột	41.278
9	BDD.22510	Nắn chỉnh, tu sửa biển báo	1 cột	74.301
10	BDD.202210	Hót sứt bằng máy đào 0,4m <sup>3</sup>	m <sup>3</sup>	38.494
11	BDD.22621	Thay thế, bổ sung biển báo tam giác dán phản quang 3M, cạnh 70cm	1 cái	758.722
12	BDD.22621	Thay thế, bổ sung biển báo loại tròn dán phản quang 3M, đường kính 70cm	1 cái	787.395
13	BDD.22611	Thay thế, bổ sung cột biển báo D90	1 cột	1.159.729
14	BDVC.31311	Vận chuyển đất, ô tô 5T tự đổ, phạm vi $\leq$ 1000m, đất C3	m <sup>3</sup>	36.750

STT	Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Đơn giá trình phê duyet
15	AB.64123	Đắp nền đường bằng máy đầm 16T, độ chặt K95	m <sup>3</sup>	13.938
16	AE.11214	Xây đá hộc xây tường chiều dày <=60cm VXM 100#	m <sup>3</sup>	1.254.278
17	BDVC. 31311	Vận chuyển đất bột lè, vét rãnh đổ đi bằng ô tô cự ly vận chuyển <=1000m cấp 2	m <sup>3</sup>	36.750
18	BDD.206111	Vét rãnh hờ chữ nhật bằng máy lòng rãnh 80cm	m	11.451
19	AB.24133	Đào xúc đất để đắp bằng máy đào <=0,8 m <sup>3</sup> , đất cấp III	m <sup>3</sup>	9.393
20	BDD. 20711	Vét rãnh kín bằng thủ công lòng rãnh 80cm	m	13.566
21	SB.65510	Lát gạch xi măng tự chèn	m <sup>2</sup>	197.147
22	AD.11222	Thi công móng cấp phối đá dăm lớp trên	m <sup>3</sup>	371.405
23	AD.23223	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chiều dày mặt đường đã lèn ép 5cm	m <sup>2</sup>	189.204
24	AD.23225	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chiều dày mặt đường đã lèn ép 7cm	m <sup>2</sup>	263.809
25	SE.11211	Cắt mặt đường bê tông asphalt 5cm	m	9.945
26	SE.11213	Cắt mặt đường bê tông asphalt 7cm	m	13.336
27	AA.22513	Cào bóc lớp mặt đường bê tông asphalt dây 5cm bằng máy	m <sup>2</sup>	38.229
28	AA.22515	Cào bóc lớp mặt đường bê tông asphalt dây 7cm bằng máy	m <sup>2</sup>	47.577
29	BDD.203210	Bạt lè đường bằng máy san 110 CV	100m	7.450
30	BĐ.21010	Bổ sung nắp rãnh bê tông, nắp hố ga	Nắp, tấm	1.420.285
31	BDD.21020 (vận dụng)	Bổ sung tấm toa hàm éch	Tấm	187.050
32	SE.11314	Vá mặt đường bằng đá 4x6 chèn đá dăm, lớp hao mòn bằng đá mặt, thi công bằng thủ công kết hợp với cơ giới, chiều dày đã lèn ép 15cm	m <sup>2</sup>	302.922
33	AD.24233	Láng nhựa 3 lớp mặt đường tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>	160.352

*Ghi chú: Đơn giá trên áp dụng mức thuế giá trị gia tăng 8% theo quy định tại Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội, thời hạn áp dụng từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024, do đó sau khi Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ hết hiệu lực, trường hợp có sự thay đổi về mức thuế giá trị gia tăng, đề nghị chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh theo quy định.*